

Số: **03** /TB-HĐTD

TP. Thái Nguyên, ngày **13** tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Triệu tập thí sinh dự vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức làm giáo viên năm 2020

Căn cứ Kế hoạch số 181/KH-UBND ngày 26/11/2020 của UBND thành phố về việc tuyển dụng viên chức làm giáo viên các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS, Trường Tiểu học và THCS công lập trực thuộc UBND thành phố năm 2020;

Căn cứ Thông báo số 477/TB-UBND ngày 01/12/2020 của UBND thành phố về việc tuyển dụng viên chức làm giáo viên các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS, Trường Tiểu học và THCS công lập trực thuộc UBND thành phố năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 12597/QĐ-UBND ngày 29/12/2020 của UBND thành phố về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức làm giáo viên các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS, Trường Tiểu học và THCS công lập trực thuộc UBND thành phố năm 2020;

Hội đồng tuyển dụng viên chức làm giáo viên tại các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS, Trường Tiểu học và THCS công lập trực thuộc UBND thành phố năm 2020 thông báo kết quả xét tuyển vòng 01 và thí sinh đủ điều kiện tham dự vòng 2 kỳ tuyển dụng viên chức năm 2020, cụ thể như sau:

Căn cứ Thông báo số 02/TB-HĐTD ngày 13/01/2021 của Hội đồng tuyển dụng về kết quả xét tuyển vòng 01 kỳ tuyển dụng viên chức làm giáo viên năm 2020.

Hội đồng tuyển dụng viên chức làm nhân viên các Trường Mầm non, Tiểu học, THCS, Trường Tiểu học và THCS công lập năm 2020 Thông báo triệu tập các thí sinh đủ điều kiện dự tuyển vòng 02 kỳ tuyển dụng viên chức làm giáo viên năm 2020 cụ thể như sau:

1. Vị trí dự tuyển giáo viên trường Mầm non:

Số lượng thí sinh dự tuyển vòng 2: 174.

Thời gian : Từ 7h00' ngày 23 tháng 01 năm 2021.

Địa điểm: Trường THCS Chu Văn An, thành phố Thái Nguyên, phường Quang Trung thành phố Thái Nguyên

2. Vị trí dự tuyển giáo viên trường Tiểu học:

Số lượng thí sinh dự tuyển vòng 2: 107.

Thời gian : Từ **13h00'** ngày **23** tháng **01** năm **2021**.

Địa điểm: Trường THCS Chu Văn An, thành phố Thái Nguyên, phường Quang Trung thành phố Thái Nguyên

3. Vị trí dự tuyển giáo viên trường THCS:

Số lượng thí sinh dự tuyển vòng 2: 125.

Thời gian : Từ **07h00'** ngày **24** tháng **01** năm **2021**.

Địa điểm: Trường THCS Chu Văn An, thành phố Thái Nguyên, phường Quang Trung thành phố Thái Nguyên.

(Có danh sách kèm theo).

4. Yêu cầu: Thí sinh mang theo giấy tờ tùy thân để đối chiếu trước khi vào phòng thực hành./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố;
- Thành viên hội đồng tuyển dụng;
- Các thí sinh dự xét tuyển vòng 2;
- Các đơn vị trường học có liên quan;
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Nguyễn Thị Tuyết

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN DỤNG VÒNG 2
CẤP MẦM NON**

(Kèm theo Thông báo số 03/TB-HĐTD ngày 13/01/2021 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
1	Trương Thị Hoa	08/10/1996	Hoa	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 1-5	Dân tộc thiểu số
2	Mạc Thị Hương	10/6/1990	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non 1-5	Dân tộc thiểu số
3	Triệu Thị Mỹ Lệ	02/10/1991	Dao	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non 1-5	Dân tộc thiểu số
4	Phùng Thị Quỳnh Trang	01/6/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 1-5	
5	Nguyễn Huyền Diệu	04/5/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
6	Hoàng Thị Duyên	04/7/1990	Sán Dìu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
7	Lường Thị Hiền	06/9/1993	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
8	Vũ Thị Thu Hiền	02/9/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
9	Tổng Thị Hoa	03/7/1994	Sán Dìu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
10	Dương Thị Ngọc Hương	20/5/1986	Cao Lan	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
11	Lê Thị Huyền	02/3/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
12	Vũ Thị Huyền My	05/6/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
13	Dương Thị Ngát	27/12/1994	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
14	Vũ Thị Thảo Nguyên	09/5/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
15	Nguyễn Thị Phương	20/11/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	Bậc 2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
16	Dương Thị Thắm	16/9/1995	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
17	Nguyễn Thị Hoài Thu	10/10/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
18	Lý Thị Thương	22/10/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
19	Hồ Thị Thúy	18/9/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
20	Hoàng Thị Thùy	19/12/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
21	Nguyễn Thị Tổ Uyên	12/01/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	
22	Nông Thị Yến	25/12/1995	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non 19/5 Tân Lập	Dân tộc thiểu số
23	Nguyễn Thùy Dương	16/6/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
24	Mai Thị Duyên	11/10/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
25	Lê Minh Hằng	28/12/1997	Sán Dìu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	Dân tộc thiểu số
26	Bùi Thị Hoa	06/02/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
27	Dương Thị Hồng	02/10/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
28	Phan Thị Khánh Huyền	02/9/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
29	Nguyễn Thị Thu Huyền	16/02/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
30	Lê Thị Ngọc Huyền	10/8/1998	Sán Dìu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	Dân tộc thiểu số
31	Phạm Thu Huyền	17/02/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	
32	Dương Thị Ngọc Huyền	27/9/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	Dân tộc thiểu số
33	Lương Thị Phương Linh	07/12/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cam Giá	Dân tộc thiểu số
34	Hoàng Thị Phương Hoa	30/7/1998	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cốc Hóa	Dân tộc thiểu số
35	Dương Thị Nhật Phương	24/8/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cốc Hóa	
36	Phạm Thu Thảo	09/3/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Cốc Hóa	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
37	Nguyễn Thị Hoài Thương	28/7/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Cốc Hóa	
38	Hoàng Lan Anh	14/02/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	
39	Đặng Thị Cảnh	08/01/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	
40	Ma Thị Hồng	10/7/1988	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	Dân tộc thiểu số
41	Vũ Thị Huyền	09/12/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	
42	Lưu Thị Thắm	18/6/1986	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ	Dân tộc thiểu số
43	Vi Thị Vân Anh	23/3/1995	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Độc Lập	Dân tộc thiểu số
44	Dương Thu Hương	08/02/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Độc Lập	
45	Nguyễn Thị Nhi	06/6/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Độc Lập	
46	Nguyễn Thu Thảo	10/10/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Độc Lập	
47	Trương Thị Tuất	16/5/1994	Hoa	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Độc Lập	Dân tộc thiểu số
48	Nguyễn Thị Hồng Dịu	22/12/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	
49	Hà Thị Giang	28/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	
50	Triệu Thị Hường	10/6/1988	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	Dân tộc thiểu số
51	Dương Thị Linh	05/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	
52	Đào Huyền Ngọc	09/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	
53	Nguyễn Thị Thủy	22/6/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	
54	Hà Thị Việt Trinh	14/10/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Đồng Liên	
55	Lưu Thị Quỳnh Anh	19/10/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Hồng	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
56	Đặng Thu Hương	26/10/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Hồng	
57	Phạm Thị Thúy Quỳnh	19/6/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Hồng	
58	Nguyễn Thị Thu Hà	26/7/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Hòa Mi	
59	Trịnh Thị Thùy Linh	03/6/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Hòa Mi	
60	Nguyễn Thị Nga	07/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non Hòa Mi	
61	Trần Thị Thúy Quỳnh	15/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Hòa Mi	
62	Phạm Thị Hoa	14/4/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Sen	
63	Trần Thị Nhiễm	26/11/1994	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Sen	Dân tộc thiểu số
64	Dương Bích Thảo	04/5/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Sen	Dân tộc thiểu số
65	Đặng Thị Kim Tiến	10/01/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Hoa Sen	
66	Nguyễn Thị Phương Anh	12/7/1990	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
67	Đào Văn Bằng	24/11/1997	Kinh	Nam	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	
68	Nguyễn Thị Hiền	10/01/1990	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
69	Âu Thị Thu Hiền	22/3/1993	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
70	Nguyễn Thị Hương	22/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	
71	Nguyễn Diệu Linh	05/6/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	
72	Hoàng Thị Phương	29/5/1994	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
73	La Như Quỳnh	13/9/1998	Sán Chí	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
74	Hà Thị Sao	13/11/1992	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
75	Đào Thị Thảo	21/6/1994	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
76	Tạ Thị Trang	17/6/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Khánh Hòa	Dân tộc thiểu số
77	Tô Thị Dung	22/4/1994	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	Dân tộc thiểu số
78	Nguyễn Thị Hương	23/5/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	
79	Đàm Thị Mến	30/8/1992	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	Dân tộc thiểu số
80	Phạm Thị Kiều Oanh	30/11/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	
81	Ngô Thị Thảo	23/5/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	
82	Nguyễn Thị Thơm	30/3/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	Dân tộc thiểu số
83	Hoàng Thị Thu Trang	02/6/1997	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	Dân tộc thiểu số
84	Ngô Thị Quỳnh Trang	06/10/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	
85	Mạc Thị Trinh	15/6/1994	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Gang thép	Dân tộc thiểu số
86	Vũ Thị Châm	19/3/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Thành phố	
87	Nguyễn Thị Hồng Nhung	20/3/1997	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Liên cơ Thành phố	Dân tộc thiểu số
88	Lý Hoàng Phương Anh	13/12/1998	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
89	Lâm Mai Anh	10/11/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
90	Phạm Thị Hồng Gấm	11/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	
91	Lưu Thị Lệ Giang	08/8/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
92	Lê Thị Hoa	23/10/1984	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	A	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
93	Mộ Thị Hoa	13/11/1993	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
94	Hoàng Thị Hường	15/4/1988	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
95	Nguyễn Thu Huyền	05/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
96	Nguyễn Thùy Linh	28/9/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	
97	Trần Thị Nhâm	03/7/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	
98	Lê Thị Lệ Quyên	10/5/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	
99	Trịnh Thị Hương Thảo	22/3/1993	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
100	Lý Thu Thảo	26/6/1994	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
101	Nguyễn Thị Yến	17/02/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	
102	Vy Thị Yến	24/4/1995	Sán Chí	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Linh Sơn	Dân tộc thiểu số
103	Nguyễn Thị Quỳnh Oanh	16/10/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Hà	
104	Nguyễn Thị Thơ	04/9/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Hà	
105	Chu Thị Hồng Thương	27/01/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Hà	
106	Hoàng Thị Chang	11/4/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
107	Lương Thị Hà	31/7/1994	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	Dân tộc thiểu số
108	Bàng Thị Hiền	29/10/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	Dân tộc thiểu số
109	Nguyễn Thị Diệu Hương	18/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
110	Triệu Thúy Liên	10/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
111	Bùi Thị Nhật	28/10/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
112	Nguyễn Thị Nhung	01/6/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	Bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
113	Phan Thị Thúy Nhung	21/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
114	Hoàng Thị Thu Phương	29/02/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	Dân tộc thiểu số
115	Nguyễn Thị Kim Phượng	20/8/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
116	Bùi Minh Thư	25/01/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Triu	
117	Nguyễn Thị Vân Anh	11/4/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
118	Nông Thị Hà	14/5/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
119	Trần Thị Hoa	19/12/1994	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
120	Nguyễn Thị Hoài	07/8/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
121	Nguyễn Thị Thu Hường	25/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
122	Đinh Thị Thanh Huyền	19/8/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ĐH CNTT	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
123	Nguyễn Khánh Huyền	25/02/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
124	Hoàng Thị Lan	22/3/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
125	Nguyễn Thị Bích Liên	04/01/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
126	Nguyễn Thị Linh	09/10/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
127	Đồng Mỹ Linh	21/9/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
128	Lương Thị Diễm Ngọc	25/8/1997	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
129	Lê Thị Kiều Oanh	07/11/1994	Cao Lan	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
130	Ma Thị Sinh	14/4/1992	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
131	Lý Thị Thúy Tâm	15/9/1994	Cao Lan	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
132	Trương Thị Thắm	09/7/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	
133	Nguyễn Thị Thùy Trang	04/10/1995	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Phúc Xuân	Dân tộc thiểu số
134	Vũ Thúy Hà	18/3/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	Bậc 2	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Quan Triều	
135	Vũ Thị Minh Khuê	26/10/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Quan Triều	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
136	Nguyễn Thị Minh Ngọc	12/9/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Quan Triều	
137	Bùi Thị Phượng	19/10/1993	Mường	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Quan Triều	Dân tộc thiểu số
138	Nguyễn Thị Thảo	02/02/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Quan Triều	
139	Đặng Thị Thu Trang	28/8/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Quan Triều	
140	Phạm Thị Hạnh	19/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Cẩm	
141	Nguyễn Thị Thu	07/8/1988	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Cẩm	
142	Hoàng Thị Thu Thủy	24/7/1994	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Cẩm	Dân tộc thiểu số
143	Hoàng Thị Hải Yến	02/9/1994	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Sơn Cẩm	Dân tộc thiểu số
144	Nguyễn Huyền Châm	09/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Tân Long	
145	Đặng Thúy Hà	25/11/1994	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Tân Long	Dân tộc thiểu số
146	Vũ Thị Liên	20/8/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Tân Long	
147	Nguyễn Anh Phương	30/3/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Tân Thành	
148	Phan Thị Thanh Tâm	19/8/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Tân Thành	
149	Vương Thùy Linh	10/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đán	
150	Hoàng Huyền Trang	13/6/1993	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	B	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đán	Dân tộc thiểu số
151	Hoàng Thị Bích	03/3/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	Dân tộc thiểu số
152	Nguyễn Thị Dung	20/11/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
153	Nguyễn Thị Thùy Dương	14/12/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
154	Thuận Thị Hoài	19/5/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
155	Ngô Thị Hương	04/02/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
156	Ma Diệu Linh	23/9/1993	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	Dân tộc thiểu số
157	Bùi Thị Nga	01/11/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
158	Nguyễn Thị Nội	28/2/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	Kỹ năng ứng dụng CNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
159	Chu Thị Ngọc Quỳnh	11/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
160	Lưu Thị Hương Sen	23/7/1998	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	Dân tộc thiểu số
161	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/8/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	Bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
162	Lưu Thị Phương Thảo	22/9/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
163	Nguyễn Thị Thúy	15/8/1995	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	Dân tộc thiểu số
164	Lê Thu Trang	16/10/1991	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	Dân tộc thiểu số
165	Lê Thị Thu Trang	20/11/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
166	Nguyễn Thị Tố Uyên	19/5/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
167	Đào Thị Thu Vân	26/01/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEIC	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
168	Nguyễn Hải Yến	11/12/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Thịnh Đức	
169	Quách Minh Hào	18/9/1993	Ngái	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Tích Lương	Dân tộc thiểu số
170	Trương Thị Hải Linh	20/02/1995	Sán Diu	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Tích Lương	Dân tộc thiểu số
171	Dương Thị Phương Quỳnh	27/3/1996	Hoa	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Tích Lương	Dân tộc thiểu số
172	Lã Thanh Tâm	20/3/1988	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên mầm non	Mầm non Tích Lương	
173	Đàm Thị Thúy	02/8/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	A2	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Tích Lương	
174	Nguyễn Thị Thúy	04/3/1993	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục mầm non	B1	IC3	Giáo viên mầm non	Mầm non Tích Lương	Dân tộc thiểu số

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN DỤNG VÒNG 2
CẤP TIỂU HỌC
(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2021 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
1	Nguyễn Quỳnh Anh	05/11/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
2	Nguyễn Thu Hà	13/9/1997	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
3	Vy Thị Hào	08/8/1994	Sán chay	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
4	Lê Thị Hòa	11/11/1992	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
5	Hoàng Thị Thu Hương	22/5/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
6	Ngô Thị Thu Huyền	31/7/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
7	Đặng Thị Khuyên	22/02/1987	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
8	Lương Thị Kim Liên	02/01/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
9	Chu Thị Lương	21/10/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
10	Nguyễn Kiều My	28/02/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
11	Nguyễn Thị Nhung	14/8/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
12	Ma Thị Phương	17/10/1994	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
13	Nông Thị Quyên	25/8/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số
14	Lại Thị Thu Thủy	10/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
15	Nguyễn Thị Minh Trang	26/11/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
16	Dương Thị Thảo Uyên	22/8/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Cam Giá	
17	Nguyễn Thị Minh Hằng	12/12/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	
18	Long Hồng Hạnh	10/9/1989	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	Dân tộc thiểu số
19	Lê Mai Linh	22/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	
20	Vũ Mai Linh	12/12/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	
21	Dương Thị Ly	11/8/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	
22	Lê Thị Tú Phương	13/12/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	
23	Nịnh Hồng Quyên	26/10/1992	Sán chí	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	Dân tộc thiểu số
24	Hoàng Thị Thảo	26/02/2996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	
25	Đoàn Phương Thảo	03/01/1998	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Đồng Liên	Dân tộc thiểu số
26	Đỗ Ngọc Hiếu	20/12/1998	Kinh	Nam	Đại học	Giáo dục thể chất	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục thể chất	Tiểu học Đồng Liên	
27	Nguyễn Đăng Khoa	14/7/1992	Sán diu	Nam	Đại học	Giáo dục thể chất	B2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục thể chất	Tiểu học Đồng Liên	Dân tộc thiểu số
28	Phạm Bá Sơn	10/11/1991	Sán chí	Nam	Đại học	Sư phạm thể dục thể thao	A2	Kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục thể chất	Tiểu học Đồng Liên	Dân tộc thiểu số
29	Phạm Thị Ngọc Ánh	30/12/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
30	Long Thị Diễm	22/02/1997	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	B	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	Dân tộc thiểu số
31	Nguyễn Thị Hiếu	13/01/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
32	Phạm Thị Hương	04/6/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
33	Lê Ngọc Lan	18/11/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
34	Nguyễn Thị Lê	10/4/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
35	Vũ Doãn Mỹ Linh	31/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
36	Trương Thị Trúc Lương	08/6/1998	Sán diu	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 3	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	Dân tộc thiểu số
37	Nguyễn Thị Bích Ngọc	16/9/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
38	Lý Thị Nương	23/5/1998	Dao	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	Dân tộc thiểu số
39	Hoàng Như Quỳnh	05/11/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
40	Phạm Thị Phương Thảo	14/5/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Hương Sơn	
41	Trần Thị Bích Ngọc	01/6/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B4; Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Huống Thượng	
42	Hoàng Thị Xuân	08/10/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Nga B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Huống Thượng	
43	Hoàng Hải Yến	22/10/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Song ngữ Trung - Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Trung bậc 4; Đại học Tiếng Pháp	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Huống Thượng	
44	Dương Thị Vân Anh	13/12/1990	Tây	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
45	Phạm Thị Mỹ Hạnh	13/4/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Trung bậc 3	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tân Cương	
46	Vũ Thị Dạ Quỳnh	11/01/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tân Cương	
47	Lê Thị Bích	03/5/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
48	Vũ Thị Hồng Châm	16/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
49	Trương Thị Thu Hà	29/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
50	Nguyễn Hồng Hạnh	11/5/1997	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
51	Nguyễn Thị Hoa	05/12/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
52	Trần Thị Thanh Huệ	21/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
53	Lương Thị Huệ	14/7/1995	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
54	Bùi Mai Hương	26/8/1995	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
55	Ngô Thị Linh	20/5/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
56	Lâm Thanh Linh	25/5/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	B	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
57	Lưu Thị Ly	22/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
58	Hùng Bích Ngọc	08/01/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
59	Toàn Trang Nhung	01/10/1995	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
60	Nguyễn Thị Phương Thảo	24/12/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	B	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
61	Nguyễn Thị Minh Thu	28/9/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
62	Nguyễn Thị Thủy	15/11/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	B	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
63	Phạm Thị Thu Thủy	27/11/1982	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	B	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
64	Phạm Vũ Minh Trang	10/12/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
65	Hà Thu Trang	24/12/1995	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
66	Chu Thị Huyền Trang	25/10/1997	Cao lan	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	Dân tộc thiểu số
67	Ninh Thị Huyền Trang	07/4/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
68	Đào Thị Thu Trang	24/01/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
69	Lê Thị Hải Yến	12/3/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
70	Nguyễn Thị Hải Yến	14/4/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tân Cương	
71	Phạm Thị Mai Lan	24/11/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh bậc 4; Tiếng Trung B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tích Lương I	
72	Dương Thị Thu Phương	11/4/1994	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2 ; Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tích Lương I	Dân tộc thiểu số
73	Hoàng Thị Phương Thảo	27/8/1992	Tây	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Pháp B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tích Lương I	Dân tộc thiểu số
74	Nguyễn Thị Hải Yến	01/3/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2; Tiếng Trung bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	Tiểu học Tích Lương I	
75	Nguyễn Văn Anh	16/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	
76	Ma Thị Quế Đan	17/9/1998	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL-ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	Dân tộc thiểu số
77	Ngô Thị Thu Hà	28/8/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	
78	Ôn Thị Bích Hiền	19/9/1993	Sán diu	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	Dân tộc thiểu số
79	Nguyễn Minh Huệ	14/4/1991	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 2	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	Dân tộc thiểu số
80	Triệu Thị Minh Huyền	27/12/1992	Dao	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/ năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
81	Dương Hoàng Lam	11/02/1996	Kinh	Nam	Đại học	Giáo dục tiểu học	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	
82	Nguyễn Thị Linh	16/5/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	Bậc 3	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	
83	Nguyễn Thu Quỳnh	01/6/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	
84	Toàn Quỳnh Sen	17/11/1997	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	Dân tộc thiểu số
85	Vũ Thị Thảo	17/4/1992	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	B1	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	Dân tộc thiểu số
86	Vũ Nguyễn Thiên Trang	16/3/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học Tích Lương II	
87	Ma Thị Thủy Anh	11/12/1997	Tây	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học và THCS Phúc Hà	Dân tộc thiểu số
88	Đỗ Hải Anh	10/01/1997	Sán diu	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học và THCS Phúc Hà	Dân tộc thiểu số
89	Diệp Thị Kiều Chinh	26/8/1997	Sán diu	Nữ	Đại học	Giáo dục tiểu học	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Giáo dục tiểu học	Tiểu học và THCS Phúc Hà	Dân tộc thiểu số

UBND TP THÁI NGUYÊN
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ TUYỂN DỤNG VÒNG 2
CẤP THCS

(Kèm theo Thông báo số /TB-HĐTD ngày /01/2021 của Hội đồng tuyển dụng)

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
1	Nguyễn Thị Anh	28/6/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
2	Đỗ Thị Bích	18/9/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
3	Vũ Việt Bình	04/8/1994	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
4	Dương Văn Đại	12/01/1996	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
5	Đàm Thị Dương	30/4/1989	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Dân tộc thiểu số
6	Đặng Thị Giang	15/10/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
7	Nguyễn Thị Ngọc Lan	23/5/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
8	Trịnh Ngọc Liên	14/12/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	Bậc 3	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
9	Nguyễn Thị Quỳnh Nga	23/6/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B2	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
10	Hoàng Thị Phượng	28/8/1992	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán- Lí	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Dân tộc thiểu số
11	Ngô Thị Thảo	26/01/1995	Sán Diu	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Dân tộc thiểu số
12	Dương Thị Thu Trang	17/7/1997	Cao Lan	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Dân tộc thiểu số
13	Lê Anh Tú	04/6/1998	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
14	Hoàng Thị Xuân	08/02/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	Dân tộc thiểu số
15	Trần Thị Yến	16/7/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B	IC3	Giáo viên Toán	THCS Cam Giá	
16	Đường Thanh Dung	23/10/1993	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
17	Hoàng Thị Hương Giang	18/3/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	
18	Nguyễn Thị Hoa	07/4/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	B	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	
19	Lăng Thị Hồng	01/02/1998	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
20	Đào Thị Mai Hương	10/6/1994	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
21	Lưu Thúy Lan	05/9/1984	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
22	Đỗ Hải Linh	02/9/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Bậc 3	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	
23	Nguyễn Thị Loan	04/3/1994	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
24	Trịnh Thị Nga Ngà	13/7/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEIC	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Con Thương binh
25	Lương Thị Phương	03/01/1996	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
26	Phó Thị Thu Thảo	12/5/1992	Sán Diu	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B2	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số
27	Trần Thị Thoa	24/11/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	
28	Nguyễn Thị Trang	07/3/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	
29	Chu Hải Yến	28/02/1995	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Độc Lập	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
30	Đinh Đức Bình	17/12/1998	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
31	Trần Lan Chi	24/01/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
32	Nguyễn Thùy Dung	20/10/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán - Tin	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
33	Đỗ Thị Thu Hiền	30/12/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
34	Chu Thị Hồng	07/11/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
35	Trương Thị Mai Hồng	22/11/1994	Tây	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	Dân tộc thiểu số
36	Nguyễn Thu Hương	19/4/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
37	Nguyễn Thu My	02/7/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
38	Vũ Thị Ánh Ngọc	05/6/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B	B	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
39	Hoàng Thị Phương	19/11/1998	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	Dân tộc thiểu số
40	Lê Thu Quyên	27/7/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
41	Phạm Minh Thắng	26/11/1997	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
42	Đinh Thị Hồng Thương	14/02/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	Bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
43	Dương Thị Thúy	27/12/1992	Tây	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	Dân tộc thiểu số
44	Lê Thị Thu Trang	26/7/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
45	Phạm Thị Thu Trang	30/8/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
46	Nguyễn Thị Tuyền	03/3/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	
47	Dương Thị Vân	19/10/1993	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Đồng Bầm	Dân tộc thiểu số
48	Trần Văn Cẩn	25/8/1991	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Toán - Tin	A2	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Toán - Tin	THCS Hương Sơn	
49	Kim Thị Chinh	28/8/1989	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán - Tin	B1	IC3	Giáo viên Toán - Tin	THCS Hương Sơn	Dân tộc thiểu số
50	Nguyễn Thị Cúc	21/7/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán - Tin	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán - Tin	THCS Hương Sơn	
51	Nguyễn Thị Giang	12/12/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán - Tin	A2	Đại học Tin	Giáo viên Toán - Tin	THCS Hương Sơn	
54	Vũ Thanh Huyền	03/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán - Tin	A2	IC3	Giáo viên Toán - Tin	THCS Hương Sơn	
52	Phùng Thị Hà	17/4/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
53	Phạm Thị Hằng	21/12/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
55	Nguyễn Ngọc Lê	12/3/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
56	Ngô Tiến Mạnh	28/01/1997	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Vật lí	B1	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
57	Nguyễn Khắc Nam	09/09/1996	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
58	Vũ Phong Phú	30/11/1982	Kinh	Nam	Đại học	Sư phạm Vật lí	B1	B	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
59	Nguyễn Thị Thảo	26/02/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
60	Hoàng Thị Hoài Thu	04/8/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B1	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	
61	Nguyễn Thị Thu Trang	11/8/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Hương Sơn	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
62	Đỗ Thu Trang	17/11/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lý	B1	IC3	Giáo viên Vật lý	THCS Hương Sơn	
63	Lê Nhật Quỳnh Anh	23/10/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục Chính trị	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên GDCD	THCS Nha Trang	
64	Hoàng Thị Nguyệt Minh	05/3/1996	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục Chính trị	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên GDCD	THCS Nha Trang	Dân tộc thiểu số
65	Phạm Ngọc Phượng	02/01/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục công dân	C	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên GDCD	THCS Nha Trang	
66	Dương Thị Thanh	21/8/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục công dân	Bậc 2	IC3	Giáo viên GDCD	THCS Nha Trang	
67	Lương Thị Phương Thảo	30/11/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Giáo dục công dân	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên GDCD	THCS Nha Trang	
68	Vương Thị Kim Tuyết	29/8/1977	Tày	Nữ	Đại học	Giáo dục công dân - Sử	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên GDCD	THCS Nha Trang	Dân tộc thiểu số
69	Nguyễn Thị Châu Giang	09/9/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	
70	Nguyễn Thị Hà	23/11/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	
71	Hoàng Thị Thu Hằng	24/02/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	Kỹ năng Công nghệ thông tin	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	
72	Trần Thị Hồng	05/5/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	
73	Nguyễn Thùy Linh	20/5/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	
74	Phan Thị Hương Lựu	05/3/1990	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	Dân tộc thiểu số
75	Hoàng Thị Thu Nga	14/02/1989	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	Dân tộc thiểu số
76	Nguyễn Thị Anh Ngọc	17/7/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	
77	Ma Thị Nương	04/11/1990	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Triu	Dân tộc thiểu số

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
78	Vũ Thị Diệu Phương	30/9/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Trìu	
79	Nguyễn Thị Quỳnh	21/10/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Trìu	
80	Phạm Thị Thúy Quỳnh	14/4/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Trìu	
81	Nguyễn Thị Tú Uyên	27/10/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Phúc Trìu	
82	Đỗ Tú Anh	06/6/1995	Sán Dìu	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	Dân tộc thiểu số
83	Hà Lan Anh	05/11/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B2	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	
84	Lương Minh Hiếu	01/10/1997	Tày	Nam	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	Dân tộc thiểu số
85	Dương Thị Lịch	01/9/1997	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	Dân tộc thiểu số
86	Hoàng Thị Luyến	18/10/1997	Nùng	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	Dân tộc thiểu số
87	Nguyễn Thị Hằng Nga	04/02/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	
88	Lục Minh Thành	09/7/1996	Nùng	Nam	Đại học	Sư phạm Vật lí	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	Dân tộc thiểu số
89	Phạm Thị Thu Thảo	07/11/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	
90	Tô Hà Thu	22/8/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B2	IC3	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	
91	Lê Thị Thu Trang	13/9/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Vật lí	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Vật lí	THCS Sơn Cẩm 1	
92	Dương Thị Dung	09/3/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
93	Trịnh Thị Ngọc Hà	01/10/1991	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	C	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
94	Trần Thị Mai Linh	17/12/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
95	Nguyễn Thị Loan	11/10/1993	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	Dân tộc thiểu số
96	Dương Thị Trà My	27/6/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
97	Nguyễn Thị Ngọc	03/4/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	B1	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
98	Trần Thị Hồng Nhung	02/3/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	Bậc 2	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
99	Nguyễn Thị Thu Thảo	26/10/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
100	Nguyễn Thu Trang	25/8/1995	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEIC	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	Dân tộc thiểu số
101	Đào Thị Thu Trang	31/3/1995	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	A2	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	
102	Từ Kiều Trinh	20/6/1998	Sán Diu	Nữ	Đại học	Sư phạm Toán	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Toán	THCS Sơn Cẩm 2	Dân tộc thiểu số
103	Đào Tuyết Chinh	06/01/1989	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Văn - Sử	B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Văn - Sử	THCS Tân Cương	Dân tộc thiểu số
104	Hoàng Thị Diệp	28/9/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Văn - Sử	B1	IC3	Giáo viên Văn - Sử	THCS Tân Cương	
105	Trịnh Thị Liên	19/12/1989	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Văn - Sử	B	B	Giáo viên Văn - Sử	THCS Tân Cương	
106	Nguyễn Việt Bắc	08/11/1995	Sán Diu	Nam	Đại học	Sư phạm Âm nhạc	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Âm nhạc	THCS Tân Thành	Dân tộc thiểu số
107	Trần Mỹ Dung	21/11/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh C1, Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Tân Thành	
108	Nguyễn Thị Khánh Dung	23/02/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2, Tiếng Trung bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Tân Thành	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
109	Đào Thị Hải Giang	24/12/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh C1, Tiếng Pháp B1	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Tân Thành	
110	Trần Thảo My	16/9/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh bậc 4, Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Tân Thành	
111	Trương Thị Đạt	24/01/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
112	Trần Thùy Dung	27/10/1994	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
113	Trần Thị Hằng	02/6/1988	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
114	Nguyễn Thị Lan Hương	13/02/1996	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
115	Hoàng Thị Kỳ	12/02/1987	Tày	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	Dân tộc thiểu số
116	Lê Thị Khánh Mai	23/3/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	TOEFL ITP	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	Con BB
117	Lê Thị Nga	10/7/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	A2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
118	Cần Mai Thu Thảo	27/8/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	B1	IC3	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
119	Phạm Huyền Trang	15/8/1998	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Ngữ văn	Bậc 4	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Ngữ văn	THCS Thịnh Đức	
120	Nguyễn Giang An	24/10/1991	Kinh	Nữ	Thạc sĩ	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2, Tiếng Anh C1, Tiếng Trung bậc 3	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trung Vương	
121	Đào Thanh Hải	20/01/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh C1, Tiếng Pháp B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trung Vương	
122	Nguyễn Thị Kim Luyến	11/4/1993	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2, Tiếng Trung bậc 2	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trung Vương	

TT	Họ và tên	Ngày/tháng/năm sinh	Dân tộc	Nam (nữ)	Trình độ và chuyên ngành đào tạo		Chứng chỉ Tiếng Anh	Chứng chỉ Tin học	Vị trí tuyển dụng	Trường đăng ký dự tuyển	Chế độ ưu tiên
					Trình độ	Chuyên ngành đào tạo					
123	Vũ Thu Ngân	01/5/1997	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh bậc 4, Tiếng Trung bậc 2	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trung Vương	
124	Nguyễn Thị Ngân	19/5/1990	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh C1, Tiếng Trung bậc 3	IC3	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trung Vương	
125	Trần Thị Thu Trang	27/10/1992	Kinh	Nữ	Đại học	Sư phạm Tiếng Anh	Tiếng Anh B2, Tiếng Trung B	ƯDCNTT cơ bản	Giáo viên Tiếng Anh	THCS Trung Vương	